



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định Thành lập số** 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0600019436 ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 21 tháng 4 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch
	Ông Phạm Xuân Trình	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên
	Ông Vũ Ngọc Tuấn	Thành viên (từ ngày 25/4/2022)
	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên (đến ngày 25/4/2022)

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Vũ Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc (từ ngày 14/9/2022)
	Ông Nguyễn Văn Miêng	Tổng Giám đốc (đến ngày 1/9/2022)
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành

**Trụ sở đăng ký**  
43 Tô Hiệu  
Phường Ngô Quyền  
Thành phố Nam Định  
Tỉnh Nam Định  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**  
Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

100  
C  
RÁCH  
1  
10/1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Nam Định, ngày 30 tháng 3 năm 2023

II  
G  
EM  
N  
EM





KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 6 đến trang 58.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và các công ty con liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



## Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

### *Trích lập quỹ lương dự phòng*

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 trong số dự phải trả người lao động và dự phòng phải trả ngắn hạn có lần lượt 15 tỷ VND và 7 tỷ VND là khoản Tổng Công ty và các công ty con trích dự phòng tiền lương trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để trả cho người lao động cho kỳ sau. Việc ghi nhận dự phòng tiền lương này trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty và các công ty con là chưa phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, do Tổng Công ty và các công ty con chưa phát sinh nghĩa vụ nợ hiện tại với người lao động tại thời điểm báo cáo tương ứng với số tiền này. Vì vậy, tại ngày 1 tháng 1 năm 2022, trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, phải trả người lao động đang bị ghi nhận thừa 15 tỷ VND, dự phòng phải trả ngắn hạn đang bị ghi nhận thừa 7 tỷ VND, phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp bị ghi nhận thiếu 4,4 tỷ VND và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đang bị ghi nhận thiếu 17,6 tỷ VND. Vấn đề này đã khiến chúng tôi đưa ra ý kiến ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty và các công ty con đã thực hiện hoàn nhập 15 tỷ VND trong tổng số 22 tỷ VND khoản dự phòng tiền lương trên vào chi phí quản lý doanh nghiệp thay vì điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót (“VAS 29”) và đồng thời sử dụng 7 tỷ VND dự phòng phải trả ngắn hạn trích lập trong năm 2021 để thanh toán chi phí lương của năm 2022.

Nếu Tổng Công ty và các công ty con đã thực hiện điều chỉnh hoàn nhập trích lập dự phòng này một cách phù hợp theo quy định của VAS 29 và đồng thời hạch toán chi phí lương của năm 2022 phù hợp, thì:

- Phải trả người lao động và dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 sẽ giảm lần lượt 15 tỷ VND và 7 tỷ VND;
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 sẽ tăng 4,4 tỷ VND;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 sẽ tăng 17,6 tỷ VND;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ tăng 22 tỷ VND và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ giảm cùng số tiền tương ứng;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ giảm 4,4 tỷ VND và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ tăng cùng số tiền tương ứng; và
- Lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ giảm 17,6 tỷ VND và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ tăng cùng số tiền tương ứng.







**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>615.952.277.658</b>	<b>510.829.099.932</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>23.417.844.228</b>	<b>45.642.476.829</b>
Tiền	111		11.765.139.325	40.501.731.196
Các khoản tương đương tiền	112		11.652.704.903	5.140.745.633
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>21.500.000.000</b>	<b>16.500.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	21.500.000.000	16.500.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>203.999.890.019</b>	<b>202.503.106.420</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	208.789.044.706	201.657.857.172
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.502.720.359	6.241.666.004
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	3.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	6.161.318.578	4.043.281.519
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(12.453.193.624)	(12.439.698.275)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>360.250.604.160</b>	<b>241.208.440.359</b>
Hàng tồn kho	141		394.700.807.793	241.808.096.656
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(34.450.203.633)	(599.656.297)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.783.939.251</b>	<b>4.975.076.324</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	1.794.450.910	3.020.035.558
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.896.290.530	1.921.891.104
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18(a)	93.197.811	33.149.662

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>669.663.721.734</b>	<b>673.096.267.531</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>501.764.248</b>	<b>695.980.960</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	3.701.764.248	3.895.980.960
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>558.891.525.761</b>	<b>590.500.072.400</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	553.895.901.718	582.863.594.233
<i>Nguyên giá</i>	222		1.243.012.926.936	1.219.183.782.453
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(689.117.025.218)	(636.320.188.220)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	4.806.624.043	7.384.478.167
<i>Nguyên giá</i>	225		14.580.151.169	14.580.151.169
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(9.773.527.126)	(7.195.673.002)
Tài sản cố định vô hình	227		189.000.000	252.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		660.000.000	660.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(471.000.000)	(408.000.000)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>6.530.497.594</b>	<b>7.294.026.578</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		17.955.138.931	17.955.138.931
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(11.424.641.337)	(10.661.112.353)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>36.266.360.950</b>	<b>18.480.307.484</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	36.266.360.950	18.480.307.484
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>54.638.411.410</b>	<b>48.492.185.374</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	48.889.856.410	42.743.630.374
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	254	6(a)	4.400.000.000	4.400.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.835.161.771</b>	<b>7.633.694.735</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	12.676.673.610	7.404.782.896
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	158.488.161	228.911.839
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.285.615.999.392</b>	<b>1.183.925.367.463</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>994.130.113.164</b>	<b>896.724.323.057</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>666.773.273.434</b>	<b>527.573.518.595</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	150.714.469.951	186.567.747.875
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.877.461.637	7.187.674.678
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18(b)	3.700.152.362	2.839.136.194
Phải trả người lao động	314		21.259.150.697	40.779.451.985
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.681.812.992	2.740.302.117
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	528.145.243	1.140.957.074
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	8.415.346.249	1.901.377.471
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22(a)	472.398.361.077	276.488.857.817
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	6.718.077.194
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	1.198.373.226	1.209.936.190
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>327.356.839.730</b>	<b>369.150.804.462</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	9.195.457.175	9.723.602.417
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	1.831.923.822	3.831.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	316.329.458.733	355.595.278.223
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>291.485.886.228</b>	<b>287.201.044.406</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>291.485.886.228</b>	<b>287.201.044.406</b>
Vốn cổ phần	411	25	156.399.760.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		156.399.760.000	136.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(12.175.488)	(12.175.488)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	96.374.351.760	68.047.855.709
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.487.817.006	70.169.960.203
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.261.748.613	(12.563.751.288)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		14.226.068.393	82.733.711.491
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12.236.132.950	12.995.403.982
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.285.615.999.392</b>	<b>1.183.925.367.463</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Trần Phương Linh  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Đinh Thị Thu Hương  
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Vũ Ngọc Tuấn  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.316.681.029.884	1.450.869.481.531
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	1.239.380.955.342	1.256.683.508.936
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>77.300.074.542</b>	<b>194.185.972.595</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	49.423.702.164	26.189.943.879
Chi phí tài chính	22	32	83.832.576.132	48.152.366.335
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		39.996.815.043	39.191.025.861
Phần lãi trong công ty liên kết	24	6(b)	14.039.566.036	10.766.128.536
Chi phí bán hàng	25	33	21.849.897.457	20.725.208.687
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	18.671.153.160	66.723.892.111
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>16.409.715.993</b>	<b>95.540.577.877</b>
Thu nhập khác	31		867.794.207	1.706.416.933
Chi phí khác	32		1.208.413.866	179.390.312
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(340.619.659)</b>	<b>1.527.026.621</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>16.069.096.334</b>	<b>97.067.604.498</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	865.431.797	13.471.731.042
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	36	70.423.678	(295.839.027)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>15.133.240.859</b>	<b>83.891.712.483</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b> <b>(mang sang từ trang trước)</b>			<b>15.133.240.859</b>	<b>83.891.712.483</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		14.226.068.393	82.733.711.491
Cổ đông không kiểm soát	62		907.172.466	1.158.000.992
			<b>Đã điều chỉnh lại</b>	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	910	5.125

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Trần Phương Linh  
*Kế toán tổng hợp*

Người duyệt:




Đinh Thị Thu Hương  
*Trưởng phòng Tài chính Kế toán*

Vũ Ngọc Tuấn  
*Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>16.069.096.334</b>	<b>97.067.604.498</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	66.730.913.792	66.964.333.600
Các khoản dự phòng	03	27.145.965.491	9.540.229.614
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(22.581.098.966)	1.138.139.190
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(17.748.289.245)	(14.609.104.957)
Chi phí lãi vay	06	39.996.815.043	39.191.025.861
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>109.613.402.449</b>	<b>199.292.227.806</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(8.601.859.003)	8.810.348.104
Biến động hàng tồn kho	10	(152.892.711.137)	(82.735.277.893)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(59.208.549.541)	141.291.059.602
Biến động chi phí trả trước	12	(4.114.391.421)	2.980.433.333
		<b>(115.204.108.653)</b>	<b>269.638.790.952</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(37.353.213.413)	(41.067.558.108)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.684.802.158)	(12.524.073.425)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.585.237.001)	(937.868.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(156.827.361.225)</b>	<b>215.109.291.419</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(48.690.733.519)	(19.262.237.158)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	177.759.630	351.189.337
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(5.500.000.000)	(16.400.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi có kỳ hạn	24	3.500.000.000	8.400.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27	8.371.857.316	8.228.185.942
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(42.141.116.573)</b>	<b>(18.682.861.879)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2022 VND	2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	1.185.184.699.454	1.032.257.004.876
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.003.084.294.590)	(1.200.604.677.605)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.170.763.223)	(2.119.301.586)
Tiền trả cổ tức	36	(3.334.401.000)	(598.296.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>176.595.240.641</b>	<b>(171.065.270.315)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(22.373.237.157)</b>	<b>25.361.159.225</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>45.642.476.829</b>	<b>19.298.315.675</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>148.604.556</b>	<b>983.001.929</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>23.417.844.228</b>	<b>45.642.476.829</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Trần Phương Linh  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Thị Thu Hường  
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Vũ Ngọc Tuấn  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

# Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

#### (a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết.

#### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; và
- Kinh doanh máy tính và thiết bị văn phòng, phần mềm máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính và thiết bị văn phòng khác bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và làm đại lý bưu chính viễn thông.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con là nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có các công ty con và các công ty liên kết sau:

STT	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết		
		31/12/2022	1/1/2022	
<b>Công ty con</b>				
1	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định	Sản xuất và mua bán bông, sợi, vải, sợi, quần áo, vật tư và nguyên phụ liệu ngành dệt may.	52,52%	52,52%
2	Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	Sản xuất, mua bán chăn, vải, sợi, len, sản phẩm từ sợi len và quần áo may sẵn.	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh các loại khăn, quần áo, vải và sợi.	62,58%	62,58%
4	Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	53,46%	53,46%
<b>Công ty liên kết</b>				
1	Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	36,00%	36,00%
2	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu hoặc đi thuê.	36,92%	36,92%
3	Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	36,00%	36,00%
4	Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	Sản xuất sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.	45,97%	45,97%

Các công ty con và các công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty và các công ty con có 1.629 nhân viên (1/1/2022: 1.626 nhân viên).

## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **(a) Cơ sở hợp nhất**

#### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

#### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tổng Công ty dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(d) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

##### **(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty và các công ty con có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **(g) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

## Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

#### (h) **Tài sản cố định vô hình**

##### **Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

#### (i) **Bất động sản đầu tư cho thuê**

##### (i) **Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

##### (ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
--------------------------	------------

#### (j) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trả trước của hợp đồng thuê đất.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí thuê máy móc và thiết bị**

Chi phí thuê máy móc và thiết bị gồm tiền thuê máy móc trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng máy móc thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê máy móc và thiết bị.

**(iv) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian 3 năm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(o) Doanh thu và thu nhập khác**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

##### **(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vi) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(p) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty và các công ty con sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán (g)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.



## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(r) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Trong năm, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

#### **(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty được lập theo lĩnh vực kinh doanh và mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Tổng Công ty được lập theo khu vực địa lý.

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ trên vị trí của khách hàng. Ban Giám đốc đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

#### **(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

#### **(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong năm trước.





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh như sau:

Năm 2022	Vai		Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Kinh doanh bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Loại trừ nội bộ Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
	Nghìn VND	Sợi Nghìn VND					
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	154.549.904	849.889.244	244.421.861	-	67.820.021	-	1.316.681.030
Doanh thu giữa các bộ phận	1.572.640	39.253.961	52.198.557	-	21.526.319	(114.551.477)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>156.122.544</b>	<b>889.143.205</b>	<b>296.620.418</b>	<b>-</b>	<b>89.346.340</b>	<b>(114.551.477)</b>	<b>1.316.681.030</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>8.181.650</b>	<b>21.056.450</b>	<b>35.557.361</b>	<b>-</b>	<b>9.512.877</b>	<b>-</b>	<b>77.300.075</b>
Chi phí không phân bổ							(40.521.052)
Doanh thu tài chính							49.423.703
Chi phí tài chính							(83.832.576)
Phần lãi trong công ty liên kết				11.687.079	2.352.488		14.039.567
Kết quả hoạt động khác							(340.621)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(935.855)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>							<b>15.133.241</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Năm 2021	Vải	Sợi	Thành phẩm may mặc	Kinh doanh bất động sản	Các bộ phận khác	Loại trừ nội bộ	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	118.831.745	965.121.031	297.811.426	-	69.105.280	-	1.450.869.482
Doanh thu giữa các bộ phận	71.742	5.419.788	1.650.076	-	25.354.537	(32.496.143)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>z</b>	<b>970.540.819</b>	<b>299.461.502</b>	<b>-</b>	<b>94.459.817</b>	<b>(32.496.143)</b>	<b>1.450.869.482</b>
Kết quả kinh doanh của bộ phận	48.811.635	102.555.870	11.189.241	-	31.629.227	-	194.185.973
Chi phí không phân bổ							(87.449.101)
Doanh thu tài chính							26.189.944
Chi phí tài chính							(48.152.366)
Phần lãi trong công ty liên kết				8.781.330			10.766.128
Kết quả hoạt động khác							1.527.026
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(13.175.892)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>							<b>83.891.712</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>Vải Nghìn VND</b>	<b>Sợi Nghìn VND</b>	<b>Thành phẩm may mặc Nghìn VND</b>	<b>Kinh doanh bất động sản Nghìn VND</b>	<b>Các bộ phận khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
Tài sản của bộ phận Khoản đầu tư vào công ty liên kết Tài sản không phân bổ	62.568.007	346.709.005	115.662.999	- 27.541.576	33.149.165	558.089.176 48.889.856 678.636.967
<b>Tổng tài sản</b>						<b>1.285.615.999</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>994.130.113</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>Vải Nghìn VND</b>	<b>Sợi Nghìn VND</b>	<b>Thành phẩm may mặc Nghìn VND</b>	<b>Kinh doanh bất động sản Nghìn VND</b>	<b>Các bộ phận khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
Tài sản của bộ phận Khoản đầu tư vào công ty liên kết Tài sản không phân bổ	36.576.755	284.130.256	88.154.486	- 20.454.496	27.806.768	436.668.265 42.743.630 704.513.472
<b>Tổng tài sản</b>						<b>1.183.925.367</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>896.724.323</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

<b>Năm 2022</b>	<b>Vải Nghìn VND</b>	<b>Sợi Nghìn VND</b>	<b>Thành phẩm may mặc Nghìn VND</b>	<b>Kinh doanh bất động sản Nghìn VND</b>	<b>Các bộ phận khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
Chi tiêu vốn của bộ phận	5.106.780	29.083.940	9.702.476	-	2.922.525	46.815.721
Chi tiêu vốn không phân bổ						1.875.013
Khấu hao tài sản cố định	6.641.396	37.823.828	12.618.125	-	4.632.375	61.715.724
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ						5.015.190
<b>Năm 2021</b>	<b>Vải Nghìn VND</b>	<b>Sợi Nghìn VND</b>	<b>Thành phẩm may mặc Nghìn VND</b>	<b>Kinh doanh bất động sản Nghìn VND</b>	<b>Các bộ phận khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
Chi tiêu vốn của bộ phận	6.926.742	891.696	2.149.097	-	677.894	10.645.429
Chi tiêu vốn không phân bổ						8.616.809
Khấu hao tài sản cố định	39.748.630	5.116.935	12.332.442	-	4.727.951	61.925.958
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ						5.038.376

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Việt Nam;
- Trung Quốc; và
- Các vùng địa lý khác

**Năm 2022**

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Doanh thu thuần của bộ phận	755.070.333	227.809.696	333.801.001	1.316.681.030
Tài sản của bộ phận	120.594.942	36.384.289	53.312.534	1.285.615.999
- Tài sản của bộ phận phân bổ				210.291.765
- Giá trị còn lại tài sản không phân bổ				1.075.324.234
Chi tiêu vốn				48.690.734

**Năm 2021**

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Doanh thu thuần của bộ phận	771.087.565	660.238.765	19.543.152	1.450.869.482
Tài sản của bộ phận	172.821.610	29.264.816	5.813.097	1.183.925.367
- Tài sản của bộ phận phân bổ				207.899.523
- Giá trị còn lại tài sản không phân bổ				976.025.844
Chi tiêu vốn				19.262.238

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	3.041.553.247	1.104.727.453
Tiền gửi ngân hàng	8.723.586.078	39.397.003.743
Các khoản tương đương tiền	11.652.704.903	5.140.745.633
	23.417.844.228	45.642.476.829

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	21.500.000.000	21.500.000.000	16.500.000.000	16.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu (ii)	4.400.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000

(i) Khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng, hưởng lãi suất dao động từ 4,8% đến 6,4%/năm (1/1/2022: từ 4,8% đến 6,4%/năm).

(ii) Các khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành bằng VND, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào các năm 2028 và 2029 và hưởng lãi suất từ 6,8% đến 7,2%/năm (1/1/2022: từ 6,8% đến 7,2%/năm).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết và đơn vị khác**

	31/12/2022		1/1/2022	
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND
<b>Công liên kết</b>				
• Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	36,00%	4.540.836.860	36,00%	4.448.866.423 (*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	27.541.575.679	36,92%	20.454.496.413 (*)
• Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	36,00%	2.621.664.452	36,00%	2.320.708.843 (*)
• Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	45,97%	14.185.779.419	45,97%	15.519.558.695 (*)
		48.889.856.410		42.743.630.374

**Đơn vị khác**

• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	0,002%	1.348.555.000	0,002%	1.348.555.000	2.812.445.700
---------------------------------------	--------	---------------	--------	---------------	---------------

(\*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	42.743.630.374	37.727.501.838
Phần lãi trong các công ty liên kết	14.039.566.036	10.766.128.536
Cổ tức nhận được	(7.893.340.000)	(5.750.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	48.889.856.410	42.743.630.374

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	84.383.749.597	103.442.463.756
Công ty Cổ phần May I Dệt Nam Định	301.588.423	48.481.573
<b>Bên khác</b>		
Công ty TNHH Dệt May Phú Cường	1.852.181.793	3.157.017.578
Xiamen ITG Group Corp., Ltd	-	8.983.499.940
China Ctexic Corporation	-	7.413.155.856
Công ty TNHH Dệt may Châu Giang	46.079.800.144	-
Công ty TNHH Dệt may Đức Hiếu	9.052.076.959	-
Các khách hàng khác	67.119.647.790	78.613.238.469
	<hr/>	<hr/>
	208.789.044.706	201.657.857.172

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên kết không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất là 7,5%/năm (1/1/2022: 6,5%/năm) khi quá hạn mà các công ty liên kết này chưa thanh toán.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu Kho bạc Nhà nước (*)	2.448.642.181	2.448.642.181
Cổ tức phải thu từ công ty liên kết	1.547.460.000	-
Phải thu các công ty liên kết về tiền đất cho thuê	1.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	420.868.000	428.132.830
Tạm ứng	59.944.786	53.000.000
Phải thu khác	684.403.611	1.113.506.508
	<hr/>	
	6.161.318.578	4.043.281.519
	<hr/>	

(\*) Khoản phải thu từ Kho bạc Nhà nước là tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước liên quan đến hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty. Khoản tiền này bị hạn chế sử dụng do Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo yêu cầu của Kho bạc Tỉnh Nam Định. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 toàn bộ khoản phải thu từ Kho bạc Nhà nước đã được trích lập dự phòng do Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản phải thu này không có khả năng thu hồi.

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	396.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	1.827.460.000	-
Công ty CP May 1 - Dệt Nam Định	324.000.000	-
	<hr/>	
	2.547.460.000	-
	<hr/>	

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (i)	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	501.764.248	695.980.960
	<hr/>	<hr/>
	<b>3.701.764.248</b>	<b>3.895.980.960</b>

- (i) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích dự phòng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Dự phòng phải thu khó đòi**

	31/12/2022		1/1/2022					
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thành Vinh	Từ 2 - 3 năm	5.014.999.999	(5.014.999.999)	-	Từ 2 - 3 năm	5.074.999.999	(5.074.999.999)	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-
Các đối tượng khác	-	2.448.642.181	(2.448.642.181)	-	-	2.448.642.181	(2.448.642.181)	-
Các đối tượng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	374.783.752	(107.008.301)	267.775.451	Từ 6 tháng đến 1 năm	366.272.674	(109.881.802)	256.390.872
Các đối tượng khác	Từ 1 - 2 năm	384.035.694	(201.062.555)	182.973.139	Từ 1 - 2 năm	562.713.148	(281.356.574)	281.356.574
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	4.998.421.223	(4.998.421.223)	-	Trên 3 năm	4.841.758.354	(4.841.758.354)	-
		<b>16.103.942.214</b>	<b>(15.653.193.624)</b>	<b>450.748.590</b>		<b>16.177.445.721</b>	<b>(15.639.698.275)</b>	<b>537.747.446</b>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi  
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

(12.453.193.624)  
(3.200.000.000)

(15.653.193.624)

(12.439.698.275)  
(3.200.000.000)

(15.639.698.275)

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	34.504.747.200	-	59.231.785.818	-
Nguyên vật liệu	89.679.883.680	(5.170.377.930)	120.483.741.652	-
Công cụ và dụng cụ	147.318.073	-	181.724.245	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.903.766.246	-	19.363.832.186	-
Thành phẩm	220.361.312.689	(29.109.502.080)	34.246.117.749	(534.576.917)
Hàng hóa	24.587.626.536	(170.323.623)	2.619.502.938	(65.079.380)
Hàng gửi đi bán	5.516.153.369	-	5.681.392.068	-
	<b>394.700.807.793</b>	<b>(34.450.203.633)</b>	<b>241.808.096.656</b>	<b>(599.656.297)</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quan lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	318.631.385.093	842.458.459.940	55.136.342.159	2.957.595.261	1.219.183.782.453
Tăng trong năm	-	12.180.600.000	-	-	12.180.600.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	13.714.082.135	7.016.071.771	1.875.012.645	-	22.605.166.551
Thanh lý	(422.670.405)	(10.533.951.663)	-	-	(10.956.622.068)
Số dư cuối năm	331.922.796.823	851.121.180.048	57.011.354.804	2.957.595.261	1.243.012.926.936
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	108.148.653.488	498.850.171.886	27.348.869.940	1.972.492.906	636.320.188.220
Khấu hao trong năm	16.527.214.981	41.779.040.339	4.814.202.299	137.987.710	63.258.445.329
Thanh lý	(195.005.148)	(10.266.603.183)	-	-	(10.461.608.331)
Số dư cuối năm	124.480.863.321	530.362.609.042	32.163.072.239	2.110.480.616	689.117.025.218
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	210.482.731.605	343.608.288.054	27.787.472.219	985.102.355	582.863.594.233
Số dư cuối năm	207.441.933.502	320.758.571.006	24.848.282.565	847.114.645	553.895.901.718

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 230.194 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 206.242 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 452.280 triệu VND (1/1/2022: 491.735 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 22).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	14.580.151.169
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	7.195.673.002
Khấu hao trong năm	2.577.854.124
Số dư cuối năm	9.773.527.126
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	7.384.478.167
Số dư cuối năm	4.806.624.043

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình thuê tài chính với giá trị còn lại là 4.807 triệu VND (1/1/2022: 7.384 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản nợ thuê tài chính của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 22(b)(ii)).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	17.955.138.931
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	10.661.112.353
Khấu hao trong năm	763.528.984
Số dư cuối năm	11.424.641.337
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	7.294.026.578
Số dư cuối năm	6.530.497.594

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam; và
- Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty và các công ty con không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	18.480.307.484	18.461.496.771
Tăng trong năm	43.983.158.878	17.960.013.089
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(22.605.166.551)	(15.070.518.960)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(198.819.000)	(66.500.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15(b))	(3.343.662.774)	(2.082.973.777)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(49.457.087)	(721.209.639)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	36.266.360.950	18.480.307.484

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá (*)	12.840.234.566	12.944.252.512
Dự án Nhà máy May Yên Bình (**)	5.013.367.135	5.013.367.135
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	14.245.941.965	114.506.019
Dự án xây dựng, cải tạo Nhà máy May 2	3.746.417.088	-
Các công trình khác	420.400.196	408.181.818
	<hr/>	<hr/>
	36.266.360.950	18.480.307.484

(\*) Đây là chi phí thực hiện san nền và giải phóng mặt bằng lô đất số S1, S2 và một phần lô S3, S4, S5, S7 ở Khu Công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định. Theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định, Tổng Công ty phải thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá muộn nhất vào năm 2024. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Tổng công ty đang xin ý kiến Công ty mẹ về phương án di dời trong năm 2023 và 2024.

(\*\*) Đây là chi phí xây dựng Nhà máy May Yên Bình tại xã Yên Bình, huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định. Hiện nay, Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định đã ban hành quyết định thu hồi khu đất và giao cho Ủy ban Nhân dân huyện Ý Yên thực hiện đấu giá khu đất và tài sản gắn liền trên đất. Tổng Công ty sẽ nhận được một phần khoản tiền thu được từ việc bán đấu giá này khi việc bán đấu giá được hoàn tất. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Ủy ban Nhân dân huyện Ý Yên đang trong quá trình thực hiện việc đấu giá tài sản này theo quy định của pháp luật.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công cụ và dụng cụ	939.508.875	124.298.425
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	854.942.035	2.895.737.133
	1.794.450.910	3.020.035.558

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê máy móc và thiết bị VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.858.190.855	4.971.398.329	210.045.744	365.147.968	7.404.782.896
Tăng trong năm	-	7.491.858.290	-	587.897.628	8.079.755.918
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	3.343.662.774	-	-	3.343.662.774
Chuyển sang ngắn hạn	-	(507.697.952)	-	-	(507.697.952)
Phân bổ trong năm	(68.085.355)	(5.194.824.517)	(89.054.671)	(291.865.483)	(5.643.830.026)
Số dư cuối năm	1.790.105.500	10.104.396.924	120.991.073	661.180.113	12.676.673.610

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Tài sản cố định	20%	85.561.081	93.636.298
Các khoản mục khác	20%	72.927.080	135.275.541
		<b>158.488.161</b>	<b>228.911.839</b>

**17. Phải trả người bán ngắn hạn****Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	386.929.591	213.973.100
<b>Bên khác</b>		
Olam International Ltd	34.160.664.384	27.286.383.189
Louis Dreyfus Company Suisse SA	28.475.505.828	16.012.073.130
Afcom Trading DMCC	14.372.978.796	22.270.931.250
Công ty CP Xây dựng BYD Việt Nam	11.150.018.845	-
Kangwal Polyester Co.,Ltd.	6.080.218.927	-
ECOM Agroindustrial Corp. Ltd.	6.029.575.200	-
Công ty TNHH Hóa Phẩm Thịnh Phát	4.676.424.000	-
Ecom USA LLC	-	14.063.622.108
Devcot S.A	1.167.329	10.862.653.682
Viterra B.V.	-	23.567.057.313
Ecom Commodities Pty Ltd	-	15.631.727.990
Henan Tongzhou Cotton Industry Co., Ltd	-	14.825.114.579
Các nhà cung cấp khác	45.380.987.051	41.834.211.534
	<b>150.714.469.951</b>	<b>186.567.747.875</b>

Khoản phải trả thương mại các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong thời gian từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số đã nộp trong năm VND	Chuyển sang phải trả VND	31/12/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.587.262	62.267.280	(23.148.447)	67.706.095
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	20.929.316	-	20.929.316
Các loại thuế khác	4.562.400	-	-	4.562.400
	33.149.662	83.196.596	(23.148.447)	93.197.811

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	Chuyển từ phải thu VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.189.544.785	76.796.623.470	(75.179.685.053)	-	2.806.483.202
Thuế nhập khẩu	-	394.701.082	(394.701.082)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.630.372.381	865.431.797	(1.622.534.878)	(23.148.447)	850.120.853
Thuế thu nhập cá nhân	8.093.095	344.700.968	(323.233.788)	-	29.560.275
Thuế tài nguyên	11.125.933	304.158.608	(301.296.509)	-	13.988.032
Tiền thuế đất	-	10.859.652.071	(10.859.652.071)	-	-
Các loại thuế khác	-	17.000.006	(17.000.006)	-	-
	2.839.136.194	89.582.268.002	(88.698.103.387)	(23.148.447)	3.700.152.362

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	1.278.596.863	1.105.384.169
Chi phí điện, nước phải trả	187.037.037	1.126.826.847
Chi phí khác	216.179.092	508.091.101
	<hr/>	<hr/>
	1.681.812.992	2.740.302.117
	<hr/>	<hr/>

**20. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn là doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư.

**21. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	556.832.074	595.863.435
Cổ tức phải trả	5.826.630.250	886.306.250
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam	1.746.871.190	189.610.995
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	285.012.735	229.596.791
	<hr/>	<hr/>
	8.415.346.249	1.901.377.471
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty (*)	1.712.500.000	3.712.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	<hr/>	<hr/>
	1.831.923.822	3.831.923.822
	<hr/>	<hr/>

(\*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (công ty liên kết) cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Vay và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2022		Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	31/12/2022	
	Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ VND			
Vay ngắn hạn	261.725.146.708	1.185.967.411.673	(981.781.569.318)	451.822.818.376			
Vay dài hạn đến hạn trả	12.634.645.717	18.516.302.913	(12.707.333.779)	18.443.614.851			
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong 12 tháng	2.129.065.392	2.173.625.681	(2.170.763.223)	2.131.927.850			
	<b>276.488.857.817</b>	<b>1.206.657.340.267</b>	<b>(996.659.666.320)</b>	<b>472.398.361.077</b>			



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>Bên khác</b>				
Vay ngân hàng 1	USD	3,3% - 4,1%	116.815.070.664	75.767.548.731
Vay ngân hàng 2	VND	6,5% - 7,0%	73.737.977.722	10.153.159.973
Vay ngân hàng 3	USD	4,4%	20.879.043.261	15.177.228.596
Vay ngân hàng 4	VND	6%-6,4%	55.834.358.545	44.936.382.390
Vay ngân hàng 5	VND	6,5% - 7,5%	29.649.158.942	340.167.364
Vay ngân hàng 6	USD	3,4%	51.231.156.719	-
Vay ngân hàng 7	USD	3,8% - 4%	30.773.431.194	54.609.565.783
Vay ngân hàng 8	USD	2,88%	45.488.477.945	45.349.137.660
Vay ngân hàng 9	VND	12,40%	14.939.405.430	-
Vay cá nhân	VND	2,4% - 7,0%	12.474.737.954	15.391.956.211
			451.822.818.376	261.725.146.708

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con với giá trị còn lại là 62.938 triệu VND (1/1/2022: 66.127 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo.

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Vay dài hạn (i)	333.302.396.362	364.696.259.671
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	3.602.605.072	5.662.729.661
	336.905.001.434	370.358.989.332
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(20.575.542.701)	(14.763.711.109)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	316.329.458.733	355.595.278.223

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Vay dài hạn**

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>Bên liên quan</b>					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7,0%	2023	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	131.633.950.652	130.393.830.448
<b>Bên khác</b>					
Vay từ ngân hàng 9(***)	USD	4,5%-5,5%	2024	78.647.168.873	90.651.531.608
Vay từ ngân hàng 10 (***)	VND	11,0%	2023	41.301.125.713	53.950.138.307
Vay từ ngân hàng 11	USD	5,5%-7,7%	2024	4.928.268.814	9.519.691.203
Vay từ ngân hàng 12	VND	10%-11,1%	2024	2.342.493.702	5.731.679.497
Vay cá nhân (*)	VND	6,50%	2026	9.450.000.000	9.450.000.000
				333.302.396.362	364.696.259.671

(\*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(\*\*) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 123.764 triệu VND (1/1/2022: 121.136 triệu VND) (Thuyết minh 11).

(\*\*\*) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 221.465 triệu VND (1/1/2022: 261.707 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Các khoản vay ngân hàng còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 44.113 triệu VND (1/1/2022: 42.765 triệu VND) (Thuyết minh 11).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Các khoản nợ thuế tài chính**

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2022</b>		<b>1/1/2022</b>	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND
Trong một năm	2.331.359.013	199.431.163	2.131.927.850	284.465.401
Trong hai đến năm năm	1.529.504.311	58.827.089	1.470.677.222	171.969.724
	<b>3.860.863.324</b>	<b>258.258.252</b>	<b>3.602.605.072</b>	<b>456.435.125</b>
				<b>5.662.729.661</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, trong nợ thuế tài chính có số nợ gốc ngoại tệ xấp xỉ 107.790 USD (1/1/2022: 154.352 USD).

Khoản vay nợ thuế tài chính này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình thuế tài chính có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 4.807 triệu VND (1/1/2022: 7.384 triệu VND) (Thuyết minh 12).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.209.936.190	1.981.041.829
Trích lập trong năm	2.573.674.037	166.762.361
Sử dụng trong năm	(2.585.237.001)	(937.868.000)
Số dư cuối năm	<u>1.198.373.226</u>	<u>1.209.936.190</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	136.000.000.000	(12.175.488)	68.047.855.709	(11.359.713.615)	12.041.483.597	204.717.450.203
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	82.733.711.491	1.158.000.992	83.891.712.483
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(131.056.754)	(35.705.607)	(166.762.361)
Cổ tức	-	-	-	-	(168.375.000)	(168.375.000)
Biến động khác	-	-	-	(1.072.980.919)	-	(1.072.980.919)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	136.000.000.000	(12.175.488)	68.047.855.709	70.169.960.203	12.995.403.982	287.201.044.406
Lợi nhuận thuần trong năm	20.399.760.000	-	-	14.226.068.393	907.172.466	35.533.000.859
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.379.941.557)	(193.732.480)	(2.573.674.037)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	28.326.496.051	(28.326.496.051)	-	-
Cổ tức trả bằng tiền (Thuyết minh 23)	-	-	-	(6.802.013.982)	(1.472.711.018)	(8.274.725.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26)	-	-	-	(20.399.760.000)	-	(20.399.760.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	156.399.760.000	(12.175.488)	96.374.351.760	26.487.817.006	12.236.132.950	291.485.886.228

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	15.639.976	156.399.760.000	13.600.000	136.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000	13.600.000	136.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	Tỷ lệ (%)	31/12/2022		1/1/2022	
		Số lượng cổ phần	Vốn cổ phần VND	Số lượng cổ phần	Vốn cổ phần VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	53,67	8.394.655	83.946.550.000	7.299.700	72.997.000.000
Bà Trung Thị Nga	5,29	826.850	8.268.500.000	719.000	7.190.000.000
Các cổ đông khác	41,04	6.418.471	64.184.710.000	5.581.300	55.813.000.000
	100,00	15.639.976	156.399.760.000	13.600.000	136.000.000.000

## 26. Cổ tức

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông theo tỷ lệ 20% bao gồm 15% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu thường được nhận 3 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức) và 5% bằng tiền (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thường được nhận 500 đồng).

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2022, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt Nghị quyết về Phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 10 tháng 8 năm 2022, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt Nghị quyết về ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng tiền mặt và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức vào ngày 25 tháng 8 năm 2022.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	49.103.866.167	51.055.013.167
	<hr/>	<hr/>
	58.859.601.167	60.810.748.167
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2022</b>		<b>1/1/2022</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	316.531	7.388.595.122	837.618	18.955.051.495
EUR	450	10.955.084	450	11.281.457
		<hr/>		<hr/>
		7.399.550.206		18.966.332.952
		<hr/>		<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Bán hàng	1.170.655.324.652	1.311.299.391.344
Dịch vụ gia công	106.829.811.425	40.944.195.932
Cung cấp dịch vụ khác	29.776.941.481	89.301.562.057
Cho thuê bất động sản đầu tư	9.418.952.326	9.324.332.198
	<hr/> 1.316.681.029.884	<hr/> 1.450.869.481.531

**30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Hàng hóa và thành phẩm đã bán	1.075.121.295.422	1.133.866.269.164
Dịch vụ gia công	105.866.443.916	102.488.273.552
Dịch vụ khác đã cung ứng	19.907.873.501	16.028.522.526
Bất động sản đầu tư cho thuê	4.634.795.167	4.972.831.189
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	33.850.547.336	(672.387.495)
	<hr/> 1.239.380.955.342	<hr/> 1.256.683.508.936

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	1.749.857.912	651.244.522
Khoản hỗ trợ nhận được từ công ty liên kết	2.000.000.000	2.500.000.000
Lãi do người mua chậm trả	1.551.971.987	3.853.974.131
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.264.653.895	18.842.549.774
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	22.581.098.966	-
Lãi trái phiếu	276.119.404	342.175.452
	<hr/> 49.423.702.164	<hr/> 26.189.943.879

**32. Chi phí tài chính**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	39.996.815.043	39.191.025.861
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43.835.761.089	7.823.201.284
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.138.139.190
	<hr/> 83.832.576.132	<hr/> 48.152.366.335

**33. Chi phí bán hàng**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí vận chuyển	12.802.853.689	12.161.691.027
Chi phí lương nhân viên	178.236.308	143.728.594
Chi phí đại lý bán hàng	4.506.498.940	3.051.740.144
Chi phí xuất khẩu	2.116.985.136	2.852.450.705
Chi phí bán hàng khác	2.245.323.384	2.515.598.217
	<hr/> 21.849.897.457	<hr/> 20.725.208.687



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí lương nhân viên (*)	(244.981.935)	46.358.528.407
Dự phòng phải thu khó đòi	13.495.349	3.494.539.915
Chi phí phân bổ trả trước	1.152.926.491	1.335.652.100
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.559.124.088	2.591.872.877
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.190.589.167	12.943.298.812
	<hr/>	
	18.671.153.160	66.723.892.111
	<hr/>	

(\*) Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện hoàn nhập 22 tỷ VND chi phí lương liên quan đến năm hiện hành mà Công ty đã trích trước trong báo cáo tài chính cho năm 2021.

**35. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	818.974.096.978	806.089.833.736
Chi phí nhân công	162.734.378.427	197.337.513.671
Chi phí khấu hao và phân bổ	66.730.913.792	66.964.333.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	208.549.045.361	216.553.033.785
Chi phí khác	35.095.060.528	45.300.509.715
	<hr/>	

**36. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	865.431.797	13.484.892.970
Dự phòng thừa các năm trước	-	(13.161.928)
	<hr/>	
	865.431.797	13.471.731.042
	<hr/>	
<b>Chi phí/ (lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	70.423.678	(295.839.027)
	<hr/>	
	935.855.475	13.175.892.015
	<hr/>	

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.069.096.334	97.067.604.498
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	3.213.819.267	19.413.520.900
Chi phí không được khấu trừ thuế	212.788.928	87.447.840
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau khác nhau áp dụng cho các công ty con	-	(137.491.610)
Thu nhập không bị tính thuế	(2.078.723.000)	(500.000.000)
Ảnh hưởng của phần lãi được chia từ các công ty liên kết	(2.807.913.207)	(2.153.225.707)
Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế (*)	1.253.368.406	-
Lợi ích của chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế trong các năm trước được phép mang sang theo Nghị định 132 (**)	-	(3.226.934.256)
Thuế trích thừa trong các năm trước	-	(13.161.928)
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	422.680.097	(294.263.224)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trên lỗ tính thuế chưa ghi nhận	719.834.984	-
	<b>935.855.475</b>	<b>13.175.892.015</b>

(\*) Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế là số chi phí lãi vay trong năm vượt quá 30% tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) và chi phí khấu hao phát sinh trong năm, do đó không được tính là chi phí khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 132”). Theo Nghị định 132, các khoản chi phí lãi vay này được chuyển sang kỳ tính thuế sau và thời hạn được chuyển tiếp không quá 5 năm liên tục kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế của năm 2022 với số tiền là 6.267 triệu VND được mang sang tối đa đến năm 2027.

(\*\*) Trong năm 2021, Tổng Công ty đã ghi nhận khoản lợi ích thuế trị giá 3.227 triệu VND từ việc sử dụng 16.135 triệu VND chi phí lãi vay không được khấu trừ của năm 2019 mang sang theo hướng dẫn của Nghị định 132. Theo đó, chi phí lãi vay năm 2019 và năm 2020 lần lượt là 2.110 triệu VND (sau khi đã sử dụng 16.135 triệu VND) và 18.180 triệu VND được mang sang tối đa đến năm 2024 và 2025.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông sau điều chỉnh trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

**(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2022</b> Số cổ phiếu	<b>2021</b> Số cổ phiếu Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	13.600.000	13.600.000
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2022 (Thuyết minh 26)	2.039.976	2.039.976
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	<u>15.639.976</u>	<u>15.639.976</u>

**(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2022</b> VND	<b>2021</b> VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Công ty (VND)	14.226.068.393	82.733.711.491
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(2.573.674.037)
	<u>14.226.068.393</u>	<u>80.160.037.454</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	<u>15.639.976</u>	<u>15.639.976</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>910</u>	<u>5.125</u>

(\*) Ban Giám đốc của Tổng Công ty dự kiến sẽ không phân bổ quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2022.

**(c) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2022 (Thuyết minh 26) như sau:



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND</b>
Số báo cáo trước đây	13.600.000	6.083
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2022	2.039.976	(793)
Ảnh hưởng của việc điều chỉnh phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(165)
Số điều chỉnh lại	15.639.976	5.125

### **38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	253.185.000	30.667.020.370
Mua hàng hóa và dịch vụ	45.000.000	29.671.104.270
Hoàn trả khoản vay	2.908.554.737	2.510.556.811
Chi phí lãi vay	4.549.957.195	4.549.957.195
Lãi phí cho khoản cho vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.050.513.530	2.272.422.631
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định</b>		
Cổ tức	633.600.000	-
Bán hàng hóa	1.246.332.366	1.376.026.495
Khoản cho vay	-	4.900.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	3.000.000.000	8.400.000.000
Thu nhập lãi vay	81.196.908	326.662.274
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định</b>		
Cổ tức	4.600.000.000	-
Nhận hỗ trợ	2.000.000.000	2.500.000.000
<b>Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định</b>		
Cổ tức	756.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	5.445.133.726	2.029.192.996
Mua hàng hóa	4.771.363.500	74.282.384

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<b>Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định</b>		
Cổ tức	1.930.740.000	-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	233.070.865.682	166.631.225.970
Mua hàng hóa	130.416.627.830	82.148.480.805
Thu nhập lãi trả chậm	2.143.533.261	3.853.974.131
Thu nhập khác (Rác thải công nghiệp)	56.100.000	-
<b>Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	29.536.492.525	-

**Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt**

	2022 VND	2021 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch	60.000.000	58.000.000
Ông Nguyễn Văn Miêng – Thành viên	36.000.000	32.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Thành viên	36.000.000	32.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên	36.000.000	32.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh – Thành viên	36.000.000	32.000.000
Ông Phạm Xuân Trinh – Thành viên	36.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên	12.000.000	24.000.000
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Thành viên	24.000.000	-
<b>Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban Giám đốc</b>		
<i>Lương thưởng</i>		
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc (từ ngày 14/9/2022)	315.427.850	217.250.501
Ông Nguyễn Văn Miêng – Tổng Giám đốc (đến ngày 1/9/2022)	287.233.480	257.725.329
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Phó Tổng Giám đốc	36.980.000	23.425.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc	326.134.198	236.155.482
Bà Nguyễn Thị Khánh – Phó Tổng Giám đốc	36.980.000	23.425.000
Bà Bùi Minh Hạnh – Giám đốc Điều hành	226.464.979	187.172.229
<b>Ban Kiểm soát</b>		
<i>Thù lao</i>		
Bà Trần Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát	36.000.000	58.000.000
Ông Đoàn Văn Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	32.000.000
Bà Đặng Thanh Huyền – Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	32.000.000
Bà Đỗ Thị Thơ – Thành viên Ban Kiểm soát	-	32.000.000

